

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2025

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngân;

Ông Lê Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Ảnh - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T1, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Bị đơn: Ông Đỗ Bá M, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

(Bà T1, ông M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Trần Thị Kim T1, trình bày: Bà T1 và ông M qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2011 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến tháng 10 năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan

tâm lo lắng cho nhau, vậy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau vì mâu thuẫn trầm trọng nên bà T1 và ông M đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà T1 cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T1 yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Bá M. Về con chung: Bà T1 và ông M có 04 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N, sinh ngày 14/11/2016; cháu Đỗ Bá Minh N1, sinh ngày 14/11/2016; cháu Đỗ Tuệ M1, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Đỗ Thụy M2, sinh ngày 11/6/2013. Nếu ly hôn bà T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Thụy M2 và cháu Đỗ Tuệ M1; Bà T1 đồng ý giao cho ông M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N và cháu Đỗ Bá Minh N1. Bà T1 và ông M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung: Bà T1 và ông M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai và các biên bản làm việc tại Toà án bị đơn ông Đỗ Bá M trình bày: Ông M và bà T1 yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hoà thuận hạnh phúc nhưng sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, vậy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau vì mâu thuẫn trầm trọng nên ông M và bà T1 đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông M vẫn còn thương yêu bà T1 và nghĩ cho tương lai của các con nên ông M không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông M và bà T1 có 04 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N, sinh ngày 14/11/2016; cháu Đỗ Bá Minh N1, sinh ngày 14/11/2016; cháu Đỗ Tuệ M1, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Đỗ Thụy M2, sinh ngày 11/6/2013. Nếu phải ly hôn ông M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N và cháu Đỗ Bá Minh N1; Ông M đồng ý giao cho bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Thụy M2 và cháu Đỗ Tuệ M1. Ông M và bà T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh tại địa phương, nơi sinh sống của ông M, bà T1 ghi nhận được nội dung, ông M và bà T1 có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau đó giữa ông M và bà T1 nảy sinh mâu thuẫn, hiện nay ông M và bà T1 đang sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của con chung thì cháu Đỗ Bá Minh N và cháu Đỗ Bá Minh N1 có nguyện vọng sống chung với ông M; Cháu Đỗ Thụy M2 và cháu Đỗ Tuệ M1 có nguyện vọng được sống chung với bà T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc

chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M có đăng ký kết hôn, nay bà T1 xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đỗ Bá M có nơi cư trú tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông M, bà T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M cùng xác nhận, giữa ông M và bà T1 có mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, vậy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau vì mâu thuẫn trầm trọng nên ông M và bà T1 đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Bà T1 cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông M.

Tuy xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông M không đồng ý ly hôn với bà T1 vì lý do ông M còn thương yêu bà T1 và nghĩ cho tương lai của các con.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 10/02/2025 ghi nhận được nội dung sau: Ông M và bà T1 có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau đó giữa ông M và bà T1 nảy sinh mâu thuẫn, hiện nay ông M và bà T1 đang sống ly thân.

Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải và cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên vẫn không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày, xác nhận của nguyên đơn, bị đơn và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi ở của ông M, bà T1 nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà T1 được ly hôn với ông M.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M có 04 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N, sinh ngày 14/11/2016; cháu Đỗ Bá Minh N1, sinh ngày 14/11/2016; cháu Đỗ Tuệ M1, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Đỗ Thụy M2, sinh ngày 11/6/2013.

Nếu ly hôn ông M và bà T1 cùng thống nhất giải quyết về con chung như sau: Giao cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N và cháu Đỗ Bá Minh N1; Giao cho bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Thụy M2 và cháu Đỗ Tuệ M1. Ông M và bà T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Theo nội dung biên bản ghi nhận ý kiến của con chung thì, cháu N và cháu N1 có nguyện vọng sống chung với ông M; cháu Thụy M2 và cháu Tuệ M1 có nguyện vọng sống chung với bà T1.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn, các con chung và nhận thấy ông M, bà T1 đều có công việc, thu nhập ổn định. Vì vậy căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, lợi ích được bảo vệ, giao cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N và cháu Đỗ Bá Minh N1, giao cho bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Đỗ Thụy M2 và cháu Đỗ Tuệ M1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà T1 và ông M không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 và ông M là không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Kim T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Kim T1 được ly hôn với ông Đỗ Bá M.

Về con chung: Ông Đỗ Bá M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Đỗ Bá Minh N và cháu Đỗ Bá Minh N1; Bà Trần Thị Kim T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Đỗ Thụy M2 và cháu Đỗ Tuệ M1. Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001351 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Trần Thị Kim T1 đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 02 năm 2025) các đương sự được quyền kháng cáo. Do Bà Trần Thị Kim T1 và ông Đỗ Bá M đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến